

# CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình	:	<b>Cử nhân Kế Toán Tổng Hợp</b>
Trình độ đào tạo	:	<b>Đại học</b>
Ngành đào tạo	:	<b>KẾ TOÁN</b>
Loại hình đào tạo	:	<b>Chính quy</b>
Mã Ngành	:	<b>401</b>

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2007/QĐ – ĐHTĐ ngày 05/3/2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô)*

## **1. Mục tiêu đào tạo:**

### **1.1 Mục tiêu chung:**

Đào tạo cử nhân Kế toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; Nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế-xã hội, quản trị kinh doanh, qui trình công nghệ kế toán, kiểm toán, phân tích hoạt động kinh doanh; Có khả năng hoạch định chính sách kế toán, kiểm toán. Sinh viên tốt nghiệp làm việc ở các doanh nghiệp và các bộ phận chức năng kế toán kiểm toán tại các Bộ, Ngành và các cơ quan nhà nước, các đơn vị kinh tế khác.

### **1.2 Mục tiêu cụ thể:**

#### **1.1.1 Kiến thức:**

- Nắm được kiến thức cơ bản và nâng cao về Kế toán tài chính, kế toán kiểm toán trong các loại hình doanh nghiệp, Ngân hàng và Cơ quan hành chính sự nghiệp.
- Hiểu được nguyên tắc cơ bản trong hoạt động kế toán, bao gồm kế toán quản trị, kế toán tài chính, kiểm toán, đối chiếu kế toán của ta và kế toán quốc tế và có thể vận dụng các nguyên tắc này trong công việc thực tế.

#### **1.1.2 Về kỹ năng:**

- Có năng lực thực hành thành thạo các nghiệp vụ cơ bản của kế toán viên để có thể làm việc được ngay sau khi tốt nghiệp.
- Có khả năng làm việc độc lập khi được phân công nhiệm vụ. Biết vận dụng một cách sáng tạo kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn.
- Có khả năng tự học, từ rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn.
- Biết thu thập, tổng hợp và phân tích các dữ liệu để phục vụ việc khai thác, thực hành nghiệp vụ kế toán.

- Ngoài việc thành thạo phần mềm kế toán AcSoft và Misa, sinh viên còn có thể làm quen rất nhanh với bất cứ phần mềm kế toán nào khác vì được trang bị kiến thức nền về nguyên tắc hoạt động của phần mềm kế toán.

### **1.1.3 Về triển vọng việc làm:**

Sinh viên có thể làm kế toán, kiểm toán kiểm soát nội bộ, thiết lập thông tin kế toán trong các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, xuất nhập khẩu, xây lắp, nông nghiệp, ngân hàng, công ty chứng khoán, tổ chức tín dụng, cơ quan quản lý nhà nước về thuế, tài chính, công ty kiểm toán, tư vấn tài chính kế toán và thuế...

**2. Thời gian đào tạo:** 4 năm

**3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 199 đơn vị học trình

(Không kể các kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

**4. Đối tượng tuyển sinh:**

Theo Quy chế tuyển sinh Đại học Cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Quyết định số 05/2008/QĐ – BGDĐT ngày 05/02/2008. Mọi công dân Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây đều được đăng ký dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định hiện hành của Liên Bộ Y tế - Giáo dục và Đào tạo.
- Nộp đầy đủ, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:**

#### **5.1 Quy trình đào tạo:**

Thực hiện theo Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy ban hành theo Quyết định số 25/2006/QĐ – BGDĐT ngày 26/6/06 của Bộ Giáo Dục và Đào tạo.

- Thực hiện theo học chế mềm dẻo kết hợp niên chế với học phần.
- Quá trình đào tạo được tổ chức theo khóa và năm học. Một năm có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần kiểm tra, thi. Ngoài hai học kỳ chính, trường sẽ tổ chức thêm một học kỳ hè để cho những sinh viên thi không đạt ở các học kỳ chính được học lại.

#### **5.2 Điều kiện tốt nghiệp:**

Sinh viên (SV) được xem xét để công nhận tốt nghiệp nếu hội đủ các điều kiện sau:

- Điểm thi tốt nghiệp hoặc bảo vệ khóa luận tốt nghiệp đạt từ 5,0 trở lên.
- Tính đến thời điểm xét tốt nghiệp, SV không có học phần nào bị điểm dưới 5,0.

- Thi tốt nghiệp môn Khoa học Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh đạt 5 điểm trở lên.
- Có đủ các chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất.

Điểm Chuyên đề tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, thi tốt nghiệp đều được tính vào điểm trung bình chung học tập toàn khóa của SV (trừ môn thi tốt nghiệp Khoa học Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh).

## 6. Thang điểm

Thực hiện đánh giá và cho điểm quá trình kiểm tra, thi học kỳ, thi tốt nghiệp theo thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên. Nội dung chương trình đào tạo: 199 ĐVHT

+ Kiến thức giáo dục đại cương (chưa kể các phần nội dung Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng)	65
+ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Trong đó:	
– Kiến thức cơ sở khối ngành	8
– Kiến thức cơ sở ngành	14
– Kiến thức ngành (kể cả kiến thức chuyên ngành)	49
– Kiến thức bổ trợ	48
– Thực tập nghề nghiệp và khoá luận (hoặc thi tốt nghiệp)	16

### 6.1 Kiến thức giáo dục đại cương 65 ĐVHT

#### 6.1.1 Lý luận Mác Lênin và Tư Tưởng Hồ Chí Minh

Số TT	Tên môn học	ĐVHT
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin	8
2	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	4
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3

#### 6.1.2 Khoa học xã hội

Số TT	Tên môn học	ĐVHT
1	Pháp luật đại cương	2
2	Soạn thảo văn bản	2
3	Luật kinh tế	3
4	Kinh tế quốc tế	3
5	Quản trị học căn bản	4
6	Marketing căn bản	4

#### 6.1.3 Nhân văn – nghệ thuật: Không có

#### **6.1.4 Ngoại ngữ**

<b>Số TT</b>	<b>Tên môn học</b>	<b>ĐVHT</b>
1	Tiếng Anh căn bản 1	5
2	Tiếng Anh căn bản 2	5
3	Tiếng Anh căn bản 3	5

#### **6.1.5 Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên – Công nghệ – Môi trường**

<b>Số TT</b>	<b>Tên môn học</b>	<b>ĐVHT</b>
1	Toán cao cấp	6
2	Tin học căn bản	4
3	Xác suất thống kê	4
4	Toán kinh tế	3

**6.1.6 Giáo dục thể chất                    3 ĐVHT**

**6.1.7 Giáo dục quốc phòng                    165 tiết**

**6.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp****135 ĐVHT****6.2.1 Kiến thức cơ sở của khối ngành****8 ĐVHT**

<b>STT</b>	<b>Tên môn học</b>	<b>ĐVHT</b>
1	Kinh tế vi mô	4
2	Kinh tế vĩ mô	4
	<b>Tổng cộng</b>	<b>8</b>

**6.2.2 Kiến thức cơ sở của ngành****14 ĐVHT**

<b>STT</b>	<b>Tên môn học</b>	<b>ĐVHT</b>
1	Nguyên lý thống kê kinh tế	4
2	Nguyên lý kế toán	4
3	Kinh tế lượng	3
4	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	3
	<b>Tổng cộng</b>	<b>14</b>

**6.2.3 Kiến thức ngành Kế toán****49 ĐVHT**

<b>STT</b>	<b>Tên môn học</b>	<b>ĐVHT</b>
<b>Phần bắt buộc</b>		
1	Kế toán tài chính 1	4
2	Kế toán tài chính 2	4
3	Kiểm toán 1	3
4	Kiểm toán 2	3
5	Kế toán chi phí	4
6	Kế toán quản trị	4
7	Kế toán ngân hàng	4
8	Kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp	3
9	Kế toán ngân sách	3
10	Kế toán Mỹ	4
11	Hệ thống thông tin kế toán 1	3
12	Hệ thống thông tin kế toán 2	3
13	Chuyên đề kế toán	4
	<b>Tổng cộng</b>	<b>46</b>
<b>Phần tự chọn (chọn 1 trong 2)</b>		
1	Phân tích báo cáo tài chính	3
2	Phân tích hoạt động kinh doanh	3
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3</b>

**6.2.4 Kiến thức bổ trợ 47 ĐVHT**

STT	Tên môn học	ĐVHT
1	Thị trường tài chính	3
2	Thuế	3
3	Thanh toán quốc tế	3
4	Đạo đức ngành kế toán	3
5	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế	3
6	Phân tích và thẩm định dự án	3
7	Tiếng Anh chuyên ngành <sup>1, 2</sup>	6
8	Quản trị doanh nghiệp	3
9	Quản trị tài chính	4
10	Quản trị rủi ro	4
11	Giao tiếp kinh doanh	3
12	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	4
13	Tin học ứng dụng	5
	<b>Tổng cộng</b>	<b>47</b>

**6.2.5 Thực tập nghề nghiệp và khoá luận (hoặc thi tốt nghiệp)**

**16 ĐVHT**

STT	Môn học	ĐVHT
<b>1</b>	<b>Loại hình 1:</b>	<b>16</b>
	Thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp (Áp dụng đối với những sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp)	16
<b>2</b>	<b>Loại hình 2:</b>	<b>16</b>
	- Thực tập và viết chuyên đề tốt nghiệp	8
	- Thi môn cơ sở và môn chuyên ngành	8
<b>3</b>	<b>Thi môn chính trị (bắt buộc cả hai trường hợp)</b>	
	<b>Cộng:</b>	<b>16</b>

## 7. Hướng dẫn thực hiện chương trình

### 7.1 Cách quy đổi giờ

Giờ quy đổi được tính như sau:

1 đơn vị học trình (ĐVHT) = 15 tiết giảng lý thuyết (Các học phần lý thuyết)

= 30 đối với học phần thực tập

= 60 thực tập tốt nghiệp tại đơn vị thực tập

Số tiết của các học phần là bội số của 15

### 7.2 Chương trình ngành Kế Toán được thiết kế theo đơn ngành.

Chương trình này được biên soạn trên cơ sở của chương trình khung khối ngành Kinh tế - QTKD do Bộ Trưởng Bộ Giáo Dục và Đào tạo ban hành. Ngoài phần cứng do Bộ quy định, trường đã thiết kế các học phần còn lại cho phù hợp với chuyên ngành đào tạo.

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình	:	<b>Cử nhân Tài chính – Ngân hàng</b>
Trình độ đào tạo	:	<b>Đại học</b>
Ngành đào tạo	:	<b>TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG</b>
Loại hình đào tạo	:	<b>Chính quy</b>
Mã Ngành		<b>402</b>

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2007/QĐ – ĐHTĐ ngày 05/3/2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô)*

### 1 Mục tiêu đào tạo:

#### 1.1 Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân Tài chính – Ngân hàng có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, quản trị kinh doanh và tài chính ngân hàng; có năng lực nghiên cứu, hoạch định chính sách và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực tài chính – Ngân hàng. Sinh viên tốt nghiệp làm việc ở các cơ quan ngân hàng tài chính Trung Ương hoặc địa phương và doanh nghiệp.

#### 1.2 Mục tiêu cụ thể:

### **1.1.1 Kiến thức:**

- Nắm được những kiến thức cơ bản về kinh tế, pháp luật, tài chính – ngân hàng, bao gồm các kiến thức chung về tài chính kế toán doanh nghiệp và các kiến thức chuyên sâu về tín dụng và kế toán ngân hàng.
- Có khả năng giao tiếp, ứng xử và phong cách hội nhập với nền kinh tế, xã hội trong thời kỳ hội nhập.
- Thành thạo về các ứng dụng tin học và tin học hoá trong công tác tín dụng và kế toán ngân hàng.
- Ngoài ra còn có các hiểu biết về thị trường chứng khoán và các kiến thức chung về kinh tế, xã hội đương thời.

### **1.1.2 Về kỹ năng:**

- Có năng lực thực hành thành thạo một số nghiệp vụ chủ yếu của tài chính ngân hàng để có thể làm việc được ngay sau khi tốt nghiệp, đặc biệt là các kỹ năng tín dụng, kế toán ngân hàng, kỹ năng kho quỹ, kỹ năng phân tích đánh giá hoạt động kinh doanh, thẩm định dự án đầu tư.
- Có khả năng làm việc độc lập khi được phân công nhiệm vụ. Biết vận dụng một cách sáng tạo kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn.
- Có khả năng tự học, từ rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn.
- Biết thu thập, tổng hợp và phân tích các dữ liệu để phục vụ việc khai thác, thực hành nghiệp vụ tín dụng và ngân hàng.
- **Về triển vọng việc làm:**

Người tốt nghiệp có nhiều cơ hội việc làm ở các vị trí: tín dụng, thủ quỹ, thủ kho, kế toán viên, nhân viên hỗ trợ kiểm toán, hay các vị trí liên quan đến tài chính, đánh giá đầu tư tại các ngân hàng, quỹ tín dụng, cơ quan bảo hiểm và các doanh nghiệp, đơn vị cơ quan thuộc các thành phần kinh tế khác nhau trong nền kinh tế.

**2 Thời gian đào tạo:** 4 năm

**3 Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 199 đơn vị học trình

(Không kể các kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

**4 Đối tượng tuyển sinh:**

Theo Quy chế tuyển sinh Đại học Cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Quyết định số 05/2008/QĐ – BGDĐT ngày 05/02/2008. Mọi công dân Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây đều được đăng ký dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định hiện hành của Liên Bộ Y tế - Giáo dục và Đào tạo.
- Nộp đầy đủ, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**5 Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:**

## 5.1 Quy trình đào tạo:

Thực hiện theo Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy ban hành theo Quyết định số 25/2006/QĐ – BGDĐT ngày 26/6/06 của Bộ Giáo Dục và Đào tạo.

- Thực hiện theo học chế mềm dẻo kết hợp niên chế với học phần.
- Quá trình đào tạo được tổ chức theo khóa và năm học. Một năm có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần kiểm tra, thi. Ngoài hai học kỳ chính, trường sẽ tổ chức thêm một học kỳ hè để cho những sinh viên thi không đạt ở các học kỳ chính được học lại.

## 5.2 Điều kiện tốt nghiệp:

Sinh viên (SV) được xem xét để công nhận tốt nghiệp nếu hội đủ các điều kiện sau:

- Điểm thi tốt nghiệp hoặc bảo vệ khóa luận tốt nghiệp đạt từ 5,0 trở lên.
- Tính đến thời điểm xét tốt nghiệp, SV không có học phần nào bị điểm dưới 5,0.
- Thi tốt nghiệp môn Khoa học Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh đạt 5 điểm trở lên.
- Có đủ các chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất.

Điểm Chuyên đề tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, thi tốt nghiệp đều được tính vào điểm trung bình chung học tập toàn khóa của SV (trừ môn thi tốt nghiệp Khoa học Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh).

## 6 Thang điểm

Thực hiện đánh giá và cho điểm quá trình kiểm tra, thi học kỳ, thi tốt nghiệp theo thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên.

### 7 Nội dung chương trình đào tạo: 199 ĐVHT

+ Kiến thức giáo dục đại cương (chưa kể các phần nội dung Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng)	65
+ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Trong đó:	
– Kiến thức cơ sở khối ngành	8
– Kiến thức cơ sở ngành	15
– Kiến thức ngành (kể cả kiến thức chuyên ngành)	59
– Kiến thức bổ trợ	36
– Thực tập nghề nghiệp và khóa luận (hoặc thi tốt nghiệp)	16

### 7.1 Kiến thức giáo dục đại cương 65 ĐVHT

#### 7.1.1 Lý luận Mác Lênin và Tư Tưởng Hồ Chí Minh

<b>Số TT</b>	<b>Tên môn học</b>	<b>ĐVHT</b>
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin	8
2	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	4
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3

### **7.1.2 Khoa học xã hội**

<b>Số TT</b>	<b>Tên môn học</b>	<b>ĐVHT</b>
1	Pháp luật đại cương	2
2	Soạn thảo văn bản	2
3	Luật kinh tế	3
4	Kinh tế quốc tế	3
5	Marketing căn bản	4
6	Quản trị học căn bản	4

### **7.1.3 Nhân văn – nghệ thuật: Không có**

### **7.1.4 Ngoại ngữ**

<b>Số TT</b>	<b>Tên môn học</b>	<b>ĐVHT</b>
1	Tiếng Anh căn bản 1	5
2	Tiếng Anh căn bản 2	5
3	Tiếng Anh căn bản 3	5

### **7.1.5 Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên – Công nghệ – Môi trường**

<b>Số TT</b>	<b>Tên môn học</b>	<b>ĐVHT</b>
1	Toán cao cấp	6
2	Tin học căn bản	4
3	Xác suất thống kê	4
4	Toán kinh tế	3

### **7.1.6 Giáo dục thể chất 3 ĐVHT**

### **7.1.7 Giáo dục quốc phòng 165 tiết**

**7.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp****134 ĐVHT****7.2.1 Kiến thức cơ sở của khối ngành****8 ĐVHT**

<b>STT</b>	<b>Tên môn học</b>	<b>ĐVHT</b>
1	Kinh tế vi mô	4
2	Kinh tế vĩ mô	4
<b>Tổng cộng</b>		<b>8</b>

**7.2.2 Kiến thức cơ sở của ngành****15 ĐVHT**

<b>STT</b>	<b>Tên môn học</b>	<b>ĐVHT</b>
1	Nguyên lý thống kê kinh tế	4
2	Nguyên lý kế toán	4
3	Kinh tế lượng	4
4	Lý thuyết Tài chính	3
<b>Tổng cộng</b>		<b>15</b>

**7.2.3 Kiến thức ngành Tài chính – Ngân hàng 59 ĐVHT**

<b>STT</b>	<b>Tên môn học</b>	<b>ĐVHT</b>
<b>Phần bắt buộc</b>		
1	Tiền tệ - Ngân hàng	3
2	Thị trường tài chính	3
3	Lý thuyết bảo hiểm	3
4	Thanh toán quốc tế	3
5	Thẩm định tín dụng ngân hàng	3
6	Quản trị tài chính 1	4
7	Quản trị tài chính 2	4
8	Tài chính công	3
9	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	4
10	Quản trị ngân hàng thương mại	4
11	Đầu tư tài chính	3
12	Tài chính quốc tế	4
13	Chuyên đề tài chính – ngân hàng	4
14	Thuế	3
15	Kế toán ngân hàng	4
16	Quản trị rủi ro	4
<b>Tổng cộng</b>		<b>56</b>
<b>Phần tự chọn (chọn 1 trong 2)</b>		
1	Chiến lược tài chính doanh nghiệp	3
2	Marketing ngân hàng	3

	<b>Tổng cộng</b>	<b>3</b>
--	------------------	----------

**7.2.4 Kiến thức bổ trợ 36 ĐVHT**

STT	Tên môn học	ĐVHT
1	Giao tiếp kinh doanh	3
2	Kế toán tài chính	4
3	Đạo đức kinh doanh	3
4	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế	3
5	Phân tích và thẩm định dự án	3
6	Tiếng Anh chuyên ngành 1, 2	6
7	Hệ thống thông tin tài chính - ngân hàng	3
8	Quản trị doanh nghiệp	3
9	Kiểm toán căn bản	3
10	Tin học ứng dụng	5
	<b>Tổng cộng</b>	<b>36</b>

**7.2.5 Thực tập nghề nghiệp và khoá luận (hoặc thi tốt nghiệp)  
16 ĐVHT**

STT	Môn học	ĐVHT
<b>1</b>	<b>Loại hình 1:</b>	<b>16</b>
	Thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp (Áp dụng đối với những sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp)	16
<b>2</b>	<b>Loại hình 2:</b>	<b>16</b>
	- Thực tập và viết chuyên đề tốt nghiệp	8
	- Thi môn cơ sở và môn chuyên ngành	8
<b>3</b>	<b>Thi môn chính trị (bắt buộc cả hai trường hợp)</b>	
	<b>Cộng:</b>	<b>16</b>

## 8 Cách quy đổi giờ

Giờ quy đổi được tính như sau:

1 đơn vị học trình (ĐVHT) = 15 tiết giảng lý thuyết (Các học phần lý thuyết)

= 30 đối với học phần thực tập

= 60 thực tập tốt nghiệp tại đơn vị thực tập

Số tiết của các học phần là bội số của 15

### 8.1 Chương trình ngành Tài chính – Ngân hàng được thiết kế theo đơn ngành.

Chương trình này được biên soạn trên cơ sở của chương trình khung khối ngành Kinh tế - QTKD do Bộ Trưởng Bộ Giáo Dục và Đào tạo ban hành. Ngoài phần cứng do Bộ quy định, trường đã thiết kế các học phần còn lại cho phù hợp với chuyên ngành đào tạo.

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình : **Cử nhân Quản trị kinh doanh**

Trình độ đào tạo : **Đại học**

Ngành đào tạo : **QUẢN TRỊ KINH DOANH**  
(Business Administration)

Loại hình đào tạo : **Chính quy tập trung**

Mã Ngành **403**

(Ban hành tại Quyết định số 08/2007/QĐ-ĐHTĐ ngày 05/3/2007 của Hiệu trưởng trường Đại Học Tây Đô)

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh nhằm đào tạo các Cử nhân kinh tế có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc có hiệu quả các lĩnh vực trong doanh nghiệp.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể:

##### 1.2.1. Về kiến thức:

Trang bị cho người học kiến thức về:

- Quản lý sản xuất – kinh doanh: nhân sự, sản xuất, chất lượng, tài chính, marketing...
- Phương pháp phân tích cơ hội, đe dọa của môi trường kinh doanh; phân tích điểm mạnh, điểm yếu của doanh nghiệp, từ đó biết cách xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược để phát triển doanh nghiệp hoặc các dự án để giải quyết các vấn đề cụ thể của doanh nghiệp.

##### 1.2.2. Về kỹ năng: Sinh viên có thể:

- Giao tiếp tốt với đối tác, khách hàng;
- Sử dụng thành thạo các phần mềm thông dụng cũng như các máy móc văn phòng;

- Sử dụng Anh văn để giao tiếp thông thường hoặc phục vụ cho công việc.

### 1.2.3. Về triển vọng việc làm: Sinh viên tốt nghiệp có thể:

Đảm trách các công việc tác nghiệp, giữ vai trò quản lý, hoặc khởi sự kinh doanh độc lập. Làm việc trong các loại hình doanh nghiệp khác nhau: sản xuất, thương mại, dịch vụ; doanh nghiệp trong nước cũng như nước ngoài.

**2. Thời gian đào tạo:** 4 năm (8 học kỳ, 2 học kỳ mỗi năm).

**3. Khối lượng kiến thức toàn khóa (tính bằng đơn vị học trình): 199 ĐVHT**

(Không kể các kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

### 4. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh Đại học Cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Quyết định số 05/2008/QĐ – BGDĐT ngày 05/02/2008. Mọi công dân Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây đều được đăng ký dự tuyển:

- 2 Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- 3 Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định hiện hành của Liên Bộ Y tế - Giáo dục và Đào tạo.
- 4 Nộp đầy đủ, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### 5. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

#### 5.1. Quy trình đào tạo:

Thực hiện theo Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy ban hành theo Quyết định số 25/2006/QĐ – BGDĐT ngày 26/6/06 của Bộ Giáo Dục và Đào tạo.

- Thực hiện theo học chế mềm dẻo kết hợp niên chế với học phần.
- Quá trình đào tạo được tổ chức theo khóa và năm học. Một năm có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần kiểm tra, thi. Ngoài hai học kỳ chính, trường sẽ tốt chức thêm một học kỳ hè để cho những sinh viên thi không đạt ở các học kỳ chính được học lại.

#### 5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên (SV) được xem xét để công nhận tốt nghiệp nếu hội đủ các điều kiện sau:

- 5 Điểm thi tốt nghiệp hoặc bảo vệ khóa luận tốt nghiệp đạt từ 5,0 trở lên.
- 6 Tính đến thời điểm xét tốt nghiệp, SV không có học phần nào bị điểm dưới 5,0.
- 7 Thi tốt nghiệp môn Khoa học Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh đạt 5 điểm trở lên.
- 8 Có đủ các chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất.

Điểm Chuyên đề tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, thi tốt nghiệp đều được tính vào điểm trung bình chung học tập toàn khóa của SV (trừ môn thi tốt nghiệp Khoa học Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh).

### 6. Thang điểm

Thực hiện đánh giá và cho điểm quá trình kiểm tra, thi học kỳ, thi tốt nghiệp theo thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên.

### 7. Nội dung chương trình (tên và khối lượng các học phần): 199 ĐVHT

- |  |    |
|--|----|
| + Kiến thức giáo dục đại cương                                       | 54 |
| (chưa kể các phần nội dung Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng) |    |
| + Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Trong đó:                        |    |
| – Kiến thức cơ sở khối ngành   | 8  |

– Kiến thức cơ sở ngành	25
– Kiến thức ngành (kể cả kiến thức chuyên ngành)	61
– Kiến thức bổ trợ	35
– Thực tập nghề nghiệp và khoá luận (hoặc thi tốt nghiệp)	16

– Kiến thức giáo dục đại cương **55 ĐVHT**

- *Lý luận Mác Lênin và Tư Tưởng Hồ Chí Minh*

Số TT	Tên môn học	ĐVHT
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin	8
2	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	4
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3

- *Khoa học xã hội*

Số TT	Tên môn học	ĐVHT
1	Pháp luật đại cương	2
2	Soạn thảo văn bản	2
3	Luật kinh tế	3
4	Kinh tế quốc tế	3

- *Nhân văn – nghệ thuật: Không có*

- *Ngoại ngữ*

Số TT	Tên môn học	ĐVHT
1	Tiếng Anh căn bản 1	5
2	Tiếng Anh căn bản 2	5
3	Tiếng Anh căn bản 3	5

- *Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên – Công nghệ – Môi trường*

Số TT	Tên môn học	ĐVHT
1	Toán cao cấp	6
2	Tin học căn bản	4
3	Xác suất thống kê	4

- *Giáo dục thể chất* **3 ĐVHT**

- *Giáo dục quốc phòng* **165 tiết**

– Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp **139 ĐVHT**

– *Kiến thức cơ sở của khối ngành* **8 ĐVHT**

STT	Tên môn học	ĐVHT
1	Kinh tế vi mô	4
2	Kinh tế vĩ mô	4

	<b>Tổng cộng</b>	<b>8</b>
--	------------------	----------

– **Kiến thức cơ sở của ngành** **25 ĐVHT**

STT	Tên môn học	ĐVHT
1	Nguyên lý thống kê kinh tế	4
2	Nguyên lý kế toán	4
3	Toán kinh tế	3
4	Kinh tế lượng	3
5	Quản trị học căn bản	4
6	Quản trị hành chính văn phòng	3
7	Marketing căn bản	4
	<b>Tổng cộng</b>	<b>25</b>

– **Kiến thức ngành** **61 ĐVHT**

STT	Tên môn học	ĐVHT
<b>Phần bắt buộc</b>		
1	Chuyên đề kinh tế	4
2	Quản trị chiến lược	4
3	Quản trị nguồn nhân lực	4
4	Quản trị tài chính	4
5	Thương mại điện tử	3
6	Hệ thống thông tin quản lý	4
7	Văn hóa doanh nghiệp và Đạo đức kinh doanh	3
8	Quản trị chất lượng	3
9	Nghiên cứu Marketing	4
10	Quản trị bán hàng	3
11	Kỹ thuật quảng cáo	3
13	Quản trị Marketing	4
14	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	4
15	Quản trị sản xuất	4
16	Quản trị thương hiệu	4
17	Nhượng quyền thương mại	3
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>58</b>
<b>Phần tự chọn (chọn 1 trong 2)</b>		
18a	Marketing quốc tế	3
18b	Quản trị kinh doanh quốc tế	3
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3</b>

– **Kiến thức bổ trợ** **35 ĐVHT**

STT	Tên môn học	ĐVHT
1	Quan hệ công chúng	3

2	Thị trường tài chính	3
3	Thuế	3
4	Kế toán quản trị	3
5	Giao tiếp kinh doanh	3
6	Thanh toán quốc tế	3
7	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	3
8	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	3
9	Tiếng Anh chuyên ngành 1, 2	6
10	Tin học ứng dụng	5
	<b>Tổng cộng</b>	<b>34</b>

– **Thực tập nghề nghiệp và khoá luận (hoặc thi tốt nghiệp) 16 ĐVHT**

STT	Môn học	ĐVHT
<b>1</b>	<b>Loại hình 1:</b>	<b>16</b>
	Thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp (Áp dụng đối với những sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp)	16
<b>2</b>	<b>Loại hình 2:</b>	<b>16</b>
	- Thực tập và viết chuyên đề tốt nghiệp	8
	- Thi môn cơ sở và môn chuyên ngành	8
<b>3</b>	<b>Thi môn chính trị (bắt buộc cả hai trường hợp)</b>	
	<b>Cộng:</b>	<b>16</b>

**8. Hướng dẫn thực hiện chương trình:**

8.1 Cách quy đổi giờ:

Giờ quy đổi được tính như sau:

$$\begin{aligned}
 1 \text{ đơn vị học trình (ĐVHT)} &= 15 \text{ tiết giảng lý thuyết (Các học phần lý thuyết)} \\
 &= 30 \text{ đối với học phần thực tập} \\
 &= 60 \text{ thực tập tốt nghiệp tại đơn vị thực tập} \\
 &\text{Số tiết của các học phần là bội số của 15}
 \end{aligned}$$

8.2 Chương trình ngành Quản trị kinh doanh – Marketing được thiết kế theo đơn ngành.

Chương trình này được biên soạn trên cơ sở của chương trình khung khối ngành Kinh tế - QTKD do Bộ Trưởng Bộ Giáo Dục và Đào tạo ban hành. Ngoài phần cứng do Bộ quy định, trường đã thiết kế các học phần còn lại cho phù hợp với chuyên ngành đào tạo.

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình : **Cử nhân Quản trị kinh doanh quốc**

tế (International Business  
Administration)

Trình độ đào tạo : **Đại học**

Ngành đào tạo : **QUẢN TRỊ KINH DOANH QUỐC  
TẾ**

Loại hình đào tạo : **Chính quy tập trung**

Mã Ngành **424**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2007/QĐ – ĐHTĐ ngày 05/3/2007 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô)*

– **Mục tiêu đào tạo:**

– **Mục tiêu chung:**

Đào tạo cử nhân kinh tế chuyên ngành Quản trị ngoại thương có phẩm chất chính trị, có đạo đức và sức khỏe tốt, nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, các hoạt động kinh doanh trong quốc tế, hoạch định các chính sách về kinh doanh quốc tế, các quan hệ trong thanh toán quốc tế.

– **Mục tiêu cụ thể:**

**8.1.1 Kiến thức:**

- Những kiến thức cơ bản về kinh doanh quốc tế và những mối quan hệ trong kinh tế quốc tế.
- Cung cấp những kiến thức và nghiệp vụ liên quan đến những vấn đề về ngoại thương và quản trị ngoại thương.

**8.1.2 Về kỹ năng:**

- Giao tiếp tốt với đối tác, khách hàng;
- Sử dụng Anh văn để giao tiếp thông thường và phục vụ cho công việc.
- Nắm vững những nghiệp vụ về ngoại thương, thanh toán quốc tế, những tập quán kinh doanh quốc tế.
- Khả năng quản lý và xử lý các tình huống cũng như những kỹ năng trong đàm phán kinh doanh quốc tế.

**8.1.3 Về triển vọng việc làm:**

Người học sau khi tốt nghiệp làm việc ở các doanh nghiệp của các thành phần Kinh tế, các bộ phận chức năng về xuất nhập khẩu, các ngân hàng, các cơ quan nhà nước khác về đối ngoại, nhằm thích ứng với nhu cầu phát triển kinh tế

xã hội cả nước nói chung và các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long nói riêng trong hội nhập kinh tế quốc tế.

- **Thời gian đào tạo:** 4 năm (8 học kỳ, 2 học kỳ mỗi năm)
- **Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 197 đơn vị học trình  
(Không kể các kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

- **Đối tượng tuyển sinh:**

Theo Quy chế tuyển sinh Đại học Cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Quyết định số 05/2008/QĐ – BGDĐT ngày 05/02/2008. Mọi công dân Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây đều được đăng ký dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định hiện hành của Liên Bộ Y tế - Giáo dục và Đào tạo.
- Nộp đầy đủ, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- **Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp**

- **Quy trình đào tạo:**

Thực hiện theo Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy ban hành theo Quyết định số 25/2006/QĐ – BGDĐT ngày 26/6/06 của Bộ Giáo Dục và Đào tạo.

- Thực hiện theo học chế mềm dẻo kết hợp niên chế với học phần.
- Quá trình đào tạo được tổ chức theo khóa và năm học. Một năm có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần kiểm tra, thi. Ngoài hai học kỳ chính, trường sẽ tốt chức thêm một học kỳ hè để cho những sinh viên thi không đạt ở các học kỳ chính được học lại.

- **Điều kiện tốt nghiệp**

Sinh viên (SV) được xem xét để công nhận tốt nghiệp nếu hội đủ các điều kiện sau:

- Điểm thi tốt nghiệp hoặc bảo vệ khóa luận tốt nghiệp đạt từ 5,0 trở lên.
- Tính đến thời điểm xét tốt nghiệp, SV không có học phần nào bị điểm dưới 5,0.
- Thi tốt nghiệp môn Khoa học Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh đạt 5 điểm trở lên.
- Có đủ các chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất.
- Điểm Chuyên đề tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, thi tốt nghiệp đều được tính vào điểm trung bình chung học tập toàn khóa của SV (trừ môn thi tốt nghiệp Khoa học Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh).

- **Thang điểm**

Thực hiện đánh giá và cho điểm quá trình kiểm tra, thi học kỳ, thi tốt nghiệp theo thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên.

– Nội dung chương trình đào tạo 197 ĐVHT

- Kiến thức giáo dục đại cương:

54

(Không kể các phần nội dung Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:

143

Trong đó:

– Kiến thức cơ sở khối ngành:  
8

– Kiến thức cơ sở ngành:  
24

– Kiến thức ngành (kể cả kiến thức chuyên ngành)  
63

– Kiến thức bổ trợ  
32

– Thực tập nghề nghiệp và khóa luận (hoặc thi tốt nghiệp)  
16

### 7.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương: 54 ĐVHT

#### 7.1.1 Lý luận Mác Lênin và Tư Tưởng Hồ Chí Minh

Số TT	Tên môn học	ĐVHT
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin	8
2	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	4
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3
	<u>Công:</u>	<u>15</u>

#### 7.1.2 Khoa học xã hội

Số TT	Tên môn học	ĐVHT
1	Pháp luật đại cương	2
2	Soạn thảo văn bản (trong quản lý, giao dịch kinh doanh)	2
3	Luật kinh tế	3
4	Kinh tế học quốc tế	3
	<u>Công:</u>	<u>10</u>

#### 7.1.3 Nhân văn – nghệ thuật: Không có

#### 7.1.4 Ngoại ngữ

Số TT	Tên môn học	ĐVHT
1	Tiếng Anh căn bản 1	5
2	Tiếng Anh căn bản 2	5
3	Tiếng Anh căn bản 3	5
<u>Cộng:</u>		<u>15</u>

**7.1.5 Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên – Công nghệ – Môi trường**

Số TT	Tên môn học	ĐVHT
1	Toán cao cấp	6
2	Tin học căn bản	4
3	Xác suất thống kê	4
<u>Cộng:</u>		<u>14</u>

**7.1.6 Giáo dục thể chất 3 ĐVHT**

**7.1.7 Giáo dục quốc phòng 165 tiết**

**7.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 143 ĐVHT**

**7.2.1 Kiến thức cơ sở khối ngành:**

STT	Môn học	Số ĐVHT
1	Kinh tế vi mô	4
2	Kinh tế vĩ mô	4
<u>Cộng:</u>		<u>8</u>

**7.2.2 Kiến thức cơ sở ngành:**

STT	Môn học	Số ĐVHT
1	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3
2	Nguyên lý Kế toán	4
3	Toán kinh tế	3
4	Marketing căn bản	4
5	Quản trị học căn bản	3
6	Nguyên lý thống kê kinh tế	4
7	Kinh tế lượng	3
<u>Cộng</u>		<u>24</u>

**7.2.3 Kiến thức ngành:**

STT	Phần bắt buộc	Số ĐVHT
Kiến thức ngành		
1	Quản trị chiến lược	3

2	Quản trị nhân sự	3	
3	Quản trị tài chính	3	
4	Quản trị hệ thống thông tin	3	
5	Quản trị rủi ro	3	
6	Phân tích chính sách kinh tế	3	
	<b>Cộng:</b>	<b><u>18</u></b>	
	<b>Kiến thức chuyên ngành</b>		
1	Marketing quốc tế	3	
2	Luật thương mại quốc tế	2	
3	Nghiệp vụ ngoại thương	5	
4	Vận tải và bảo hiểm ngoại thương	4	
5	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	
6	Đàm phán kinh doanh quốc tế	3	
7	Chuyên đề kinh tế ngoại thương	4	
8	Kinh tế đối ngoại	3	
9	Thanh toán quốc tế	4	
10	Tài chính quốc tế	4	
11	Tin học ứng dụng	4	
	<b>Cộng:</b>	<b><u>39</u></b>	
	<b>Phần tự chọn (chọn 2 trong 4 theo nhóm)</b>		
1	Nhóm 1	Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế	3
2		Các định chế tài chính quốc tế	3
3	Nhóm 2	Quản trị cung ứng và Logistic	3
4		Quản trị marketing quốc tế	3
	<b>Cộng:</b>	<b><u>6</u></b>	
	<b>Tổng cộng:</b>	<b><u>63</u></b>	

#### 7.2.4 Kiến thức bổ trợ:

STT	Môn học	Số ĐVHT
1	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	2
2	Thị trường tài chính	3
3	Thuế	3
4	Thương mại điện tử	3
5	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	3
6	Tiếng Anh chuyên ngành 1, 2, 3	12
7	Nghiên cứu Marketing	3
8	Phân tích và thẩm định dự án đầu tư	3
	<b>Cộng:</b>	<b><u>32</u></b>

7.2.5 *Thực tập tốt nghiệp và khóa luận (hoặc thi tốt nghiệp): 16*  
**ĐVHT**

Stt	Tên môn học	ĐVHT
	Loại hình 1:	
1	- Thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp	12
2	- Ôn thi Mac-Lênin và tư tưởng HCM	4
	Loại hình 2:	
1	- Thực tập cuối khóa	6
2	- Học và thi các môn thay thế	6
3	Ôn thi Mac-Lênin và tư tưởng HCM	4
	<u>Công:</u>	<u>16</u>

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

**Tên chương trình:** Đào tạo Cử nhân Văn học

**Trình độ đào tạo:** Đại học

**Ngành đào tạo:** Văn học

**Mã ngành:** 602

**Loại hình đào tạo:** Chính qui

(Ban hành theo Quyết định số 59 ngày 11/12/2007

của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô)

### 1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Đào tạo cử nhân làm công tác nghiên cứu văn học và những lĩnh vực có liên quan đến văn học (giảng dạy văn học ở các bậc học; hoạt động trong lĩnh vực báo chí, xuất bản; theo dõi và quản lý hoạt động văn hóa, văn học ...); có khả năng chuyên môn về lĩnh vực ngôn ngữ và văn học, có kiến thức chuyên ngành rộng, có khả năng tự học nâng cao, tự nghiên cứu phát triển và bảo tồn di sản văn hóa dân tộc; có thể tham gia giới thiệu những nền văn học lớn trên thế giới vào Việt Nam và giới thiệu di sản văn học Việt Nam ra nước ngoài; đồng thời có thể tham gia trực tiếp vào đời sống văn học đương đại (phê bình, thẩm định sáng tác văn học đương đại phục vụ cho các cơ quan báo chí, xuất bản ...), góp phần vào việc xây dựng một đời sống văn học lành mạnh, ngày càng phát triển, nâng cao đời sống tinh thần của người Việt Nam, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ nói trên, chương trình được xây dựng trên cơ sở khung do Bộ GD&ĐT qui định; ngoài ra còn cung cấp những kiến thức về ngôn ngữ học, Hán Nôm, về những hệ tư tưởng và các triết thuyết lớn của nhân loại. Sau khi hoàn thành chương trình học tập, sinh viên có khả năng thẩm định giá

trị của các tác phẩm văn chương, có những kỹ năng cơ bản về nghiên cứu và phê bình văn học.

1.2. Có hoài bão lập thân, lập nghiệp, có ý thức phục vụ cộng đồng, biết gắn lợi ích cá nhân với lợi ích xã hội một cách hài hòa .

1.3. Có đầy đủ sức khoẻ để đảm nhận mọi công tác sau khi ra trường.

Cơ hội nghề nghiệp, nơi xin việc sau khi tốt nghiệp :

1. Các cơ quan hành chính, các tổ chức hoạt động trên lãnh vực văn học như: Sở văn hóa và thông tin, thư viện, báo chí, phát thanh truyền hình, bảo tàng ....
2. Có khả năng giảng dạy môn văn bậc trung học ở các trường trung học phổ thông (nếu có các chứng chỉ sư phạm bổ sung), làm việc tại các cơ quan quản lý giáo dục như Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo...

Cơ hội học tiếp và học sau đại học :

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể học thêm một bằng đại học khác cùng nhóm ngành hoặc học tiếp bậc Thạc sĩ hay Tiến sĩ ở các trường Đại học theo qui chế của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

**2. Thời gian đào tạo:** 4 năm (8 Học kỳ)

**3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 210 ĐVHT

**4. Đối tượng tuyển sinh :** Xét tuyển NV2 theo qui định của Bộ GD&ĐT .

**5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:**

Theo quy chế ban hành theo quyết định 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 06 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**6. Thang điểm:** sử dụng thang điểm 10

**7. Nội dung chương trình:**

**7.1. Kiến thức giáo dục đại cương:**

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	LT	TH
1	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin	8	8		8	
2	Tư tưởng HCM	3	3		3	
3	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	4	4		4	
4	Phương pháp luận NCKH	2	2		2	
5	Tâm lý xã hội và giao tiếp	2	2		2	
6	Pháp luật đại cương	2	2		2	
7	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	3		3	
8	Thống kê xã hội học	2	2		2	
9	Văn bản và lưu trữ	2		2	2	
10	Luật giáo dục	2	2		2	
11	Logic học đại cương	2		2	2	
12	Tin học căn bản và TT Tin học	4	4		2	2

	căn bản					
13	Giáo dục thể chất*	3		3		3
14	Giáo dục quốc phòng*	4	4			
15	Ngoại ngữ	15		15	15	
16	Lịch sử triết học đại cương	2	2		2	
17	Tâm lý học đại cương	2		2	2	
18	Mỹ học đại cương	2	2		2	
19	Môi trường và con người	2	2		2	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>66</b>	<b>37</b>	<b>29</b>		

## 7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

### 7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành

TT	Tên học phần	ĐVHT	Bắt buộc	Tự chọn	LT	TH
1	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	2		2	
2	Các thể thơ Việt Nam	2		2	2	
3	Ngôn ngữ văn chương	2		2	2	
4	Cơ sở ngôn ngữ học	4	4		4	
5	Nguyên lý lý luận văn học	3	3		3	
6	Tâm lý học lứa tuổi	2	2		2	
7	Ngữ âm tiếng Việt	2	2		2	
8	Kỹ thuật nhiếp ảnh	2	2		2	
9	Từ vựng tiếng Việt	2	2		2	
10	Hán văn cơ sở	4	4		4	
11	Tác phẩm văn học và thể loại văn học	4		4	4	
12	Ngữ pháp tiếng Việt	3	3		3	
13	Hán Nôm 2, 3, 4	12	12		12	
14	Tiếng Việt và làm văn	3	3		3	
15	Phong cách tiếng Việt	2	2		2	
16	Ngữ pháp văn bản - Ngữ văn	2		2	2	
17	Ngữ dụng học - Ngữ văn	2		2	2	
18	Ngôn ngữ báo chí	2	2		2	
19	Phương pháp biên tập báo chí	2	2		2	
20	Phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ	2		2	2	
21	Lịch sử phê bình văn học Việt Nam	2		2	2	
22	Thi pháp học	1		1	1	
23	Chân dung văn học Đông	1		1	1	

	Nam Á					
24	Kỹ thuật quay video	2			2	
25	Lịch sử văn minh phương Tây	2	2		2	
26	Lịch sử văn minh phương Đông	2	2		2	
<b>Tổng cộng</b>		<b>56</b>	<b>25</b>	<b>31</b>		

### 7.2.2. Kiến thức chuyên ngành

TT	Tên học phần	ĐVHT	Bắt buộc	Tự chọn	LT	TH
1	Văn học dân gian Việt Nam	4	4		4	
2	Văn học Pháp	4		4	4	
3	Văn học Trung Quốc	4		4	4	
4	Văn học Nga	4		4	4	
5	Văn học phương Tây	4		4	4	
6	Văn học Việt Nam từ thế kỷ X-XIX	8	8		8	
7	Văn học Việt Nam từ 1900-1930	2	2		2	
8	Văn học Việt Nam từ 1930-1945	3	3		3	
9	Văn học Việt Nam từ 1945-1975	3	3		3	
10	Văn học Việt Nam từ 1975 đến nay	2	2		2	
11	Văn xuôi quốc ngữ Nam Bộ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX	3		3	3	
12	Thực tế ngoài trường - Văn	2	2		2	
13	Chuyện Bác Ba Phi	1		1	1	
14	Niên luận 1, 2 - văn	4		4	4	
15	Truyện Lục Vân Tiên	1		1	1	
16	Tiến trình văn học	2		2	2	
17	Báo chí truyền thông	2	2		2	
18	Anh văn chuyên ngành	6	6		6	
19	Từ Kim Vân Kiều đến Truyện Kiều	1		1	1	

<b>Tổng cộng</b>	<b>60</b>	<b>32</b>	<b>28</b>		
------------------	-----------	-----------	-----------	--	--

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

**Ngành: TIN HỌC**

**Mã ngành: 101**

**Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung**

### 5. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 5.1. Khối lượng kiến thức và thời gian đào tạo

Khối lượng kiến thức: 208 đvht

Thời gian đào tạo: 4 năm (8 học kỳ, 2 học kỳ mỗi năm)

#### 5.2. Cấu trúc kiến thức của chương trình

<b>KHỐI KIẾN THỨC</b>	<b>SỐ ĐVHT</b>	<b>Ghi chú</b>
Kiến thức giáo dục đại cương	82	
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	126	
Tổng khối lượng	208	

### 6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC BẮT BUỘC

#### 6.1. Kiến thức giáo dục đại cương: **82 đvht**

<b>STT</b>	<b>TÊN HỌC PHẦN</b>	<b>SỐ ĐVHT</b>
<b>A</b>	<b>Chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh</b>	<b>15 đvht</b>
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	3
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	5
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3
4	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	4
<b>B</b>	<b>Khoa học xã hội</b>	<b>6 đvht</b>
1	Pháp luật đại cương	2
2	Soạn thảo văn bản	2

3	PP luận nghiên cứu khoa học	2
<b>C</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>	<b>3 đvht</b>
<b>D</b>	<b>Giáo dục quốc phòng</b>	<b>165 tiết</b>
<b>E</b>	<b>Ngoại ngữ</b>	<b>15 đvht</b>
<b>F</b>	<b>Toán học</b>	<b>17 đvht</b>
1	Vi tích phân A1	3
2	Đại số TT & HH	4
3	Vi tích phân A2	4
4	Toán rời rạc 1- ĐS Bool	3
5	Xác suất thống kê	3
<b>G</b>	<b>Vật lý</b>	<b>9 đvht</b>
<b>H</b>	<b>Điện tử, Tin học đại cương</b>	<b>13 đvht</b>
1	Tin học căn bản	4
2	Lập trình căn bản A	5
3	Internet	2
4	Nhập môn điện tử học	2
<b>Tổng cộng</b>		<b>82 ĐVHT</b>

**6.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:**

**126 đvht**

<b>ST T</b>	<b>TÊN HỌC PHẦN</b>	<b>SỐ ĐVHT</b>
1	Kỹ thuật số-CNTT	4
2	Kiến trúc máy tính	3
3	Tóan rời rạc 2 - Logic TT	4
4	Cấu trúc dữ liệu	5
5	Phân tích và thiết kế thuật toán	2
6	Lý thuyết thông tin	2
7	QHTT – CNTT	2
8	Tin học lý thuyết	3
9	Kỹ thuật đồ họa – CNTT	2
10	Ngôn ngữ hệ thống	3
11	Hệ điều hành	4
12	Lập trình hướng đối tượng C <sup>++</sup>	4

13	Ngôn ngữ lập trình	4
14	Hệ cơ sở dữ liệu	4
15	Niên luận 1 – Tin học (lập trình)	1
16	Tiếng anh chuyên ngành	6
17	Kỹ năng giao tiếp	2
18	Lý thuyết xếp hàng	2
19	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle	4
20	Phân tích và thiết kế HTTT	4
21	Mạng máy tính	4
22	An toàn hệ thống và an ninh mạng	2
23	Niên luận 2 – Tin học	1
24	Nhập môn công nghệ phần mềm	3
25	Thiết kế cài đặt mạng	3
26	Phát triển phần mềm mã nguồn mở	3
27	Lập trình Web	3
28	Phân tích hệ thống HĐT	3
29	Xử lý ảnh	3
30	Trí tuệ nhân tạo	3
31	Chương trình dịch	3
32	Lập trình truyền thông	3
33	Pháp luật chuyên ngành CNTT	2
34	Quản lý dự án Tin học	2
35	Chuyên đề ngôn ngữ lập trình	3
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>106 ĐVHT</b>
	<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>20 ĐVHT</b>
<b>Nhóm 1</b>		
1	Luận văn tốt nghiệp Tin học	16 đvht
2	Thi TN môn Khoa học Mác-Lênin và tư tưởng HCM	4 đvht
<b>Nhóm 2</b>		
1	Tiểu luận tốt nghiệp Tin học	8 đvht
2	Thi TN môn cơ sở ngành và môn chuyên ngành	8 đvht

3	Thi TN môn Khoa học Mác-Lênin và tư tưởng HCM	4 đầht
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>126 ĐVHT</b>

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

**Ngành: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

**Mã ngành: 112**

**Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung**

### 5. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 5.1. Khối lượng kiến thức và thời gian đào tạo

Khối lượng kiến thức: 213 đvht

Thời gian đào tạo: 4 năm (8 học kỳ, 2 học kỳ mỗi năm)

#### 5.2. Cấu trúc kiến thức của chương trình

KHỐI KIẾN THỨC	SỐ ĐVHT	Ghi chú
Kiến thức giáo dục đại cương	81	
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	132	
Tổng khối lượng	213	

### 6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC BẮT BUỘC

#### 6.1. Kiến thức giáo dục đại cương:

**81 đvht**

STT	Mã Môn Học	TN HỌC PHẦN	SỐ ĐVHT
1	ML134_(5)	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin	8
2	TC100_(1)	Thể dục 1	1
3	NN681_(6)	Anh văn căn bản 1	5
4	TN033_(2)	Tin học căn bản	2
5	TN034_(2)	Thực tập tin học căn bản	2
6	TN012_(4)	Đại số tuyến tính và hình học	4
7	TN014_(2)	Cơ nhiệt đại cương	2
8	TN015_(1)	Thực tập cơ nhiệt	1

9	KL001_(2)	Pháp luật đại cương	2
10	KT001_(3)	Kinh tế học đại cương	3
11	ML006_2)	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3
12	TC101_(1)	Thử dục 2	1
13	NN682_(7)	Anh văn căn bản 2	5
14	TN001_(3)	Vi tích nhân A 1	3
15	TN021_(3)	Hoá đại cương	3
16	TN022_(1)	Thực tập hoá đại cương	1
17	TN041_(2)	Điện quang đại cương	2
18	TN042_(1)	Thực tập điện quang đại cương	1
19	QP001_(4)	Giáo dục quốc phòng	165 T
20	KN101	Kỹ năng giao tiếp	2
21	ML005_(3)	Đường lối CM của Đảng CSVN	4
22	TN002_(4)	Vi tích phân A2	4
23	TC102_(1)	Thử dục 3	1
24	NN683_(7)	Anh văn căn bản 3	5
25	TN010_(3)	Xác suất thống kê	3
26	CN131_(4)	Hình Hoạ & vẽ kỹ thuật-xd & Bài tập lớn	5
27	CN101_(4)	Cơ lý thuyết – XD	4
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>81 ĐVHT</b>

## 6.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:

132 đvht

ST T	Mã Môn Học	TN HỌC PHẦN	SỐ ĐVHT
		<b>A. Kiến thức cơ sở</b>	<b>42 đvht</b>
1	XH014	Soạn thảo văn bản	2
2	CN102_(3)	Địa chất công trình	3
3	CN104_(3)	Vật liệu xây dựng	3
4	CN107_(2)	Sức bền vật liệu	4

	)		
5	CN112_(3 )	Cơ học đất	3
6	CN108_(3 )	Thủy lực và nhiệt động lực học công trình	3
7	CN114_(4 )	Cơ học kết cấu	4
8	CN331_(2 )	Tin học ứng dụng Autocad 2D	2
9	CN110_(3 )	Trắc địa đại cương	3
10	CN120_(2 )	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
11	CN121_(3 )	Kết cấu gỗ, gạch đá	3
12	CN124_(2 )	Địa chất thủy văn ứng dụng	2
13	CN125_(2 )	Tin học trong địa chất thủy văn ứng dụng	1
14	CN332_(2 )	Tin học ứng dụng (SAP)	2
15	CN116_(2 )	Kỹ thuật điện xây dựng (Trang bị điện chiếu sáng)	2
16	CN337_(2 )	Luật xây dựng	2
		<b>B. Kiến thức nghn</b>	<b>60 đvht</b>
1	CN126_(3 )	Tiếng anh chuyên ngành	6
2	CN401_(2 )	Cấu tạo kiến trúc	2
3	CN118_(3 )	Nguyên lý kiến trúc	3
4	CN119_(2 )	Nguyên lý qui hoạch	2
5	CN305_(3 )	Kết cấu thép	3
6	CN121_(3 )	Kết cấu bê tông cơ sở	3

	)		
7	CN335_(2) )	Qui hoạch đô thị	2
8	CN349_(2) )	Kết cấu bê tông cốt thép CTDD	2
9	CN303_(3) )	Nền móng công trình	4
10	CN345	Công trình thủy	3
11	CN324	Công trình trên đất yếu	2
12	CN402_(2) )	Kinh tế ngành xây dựng	2
13	CN311_(3) )	Máy xây dựng	3
14	CN307_(3) )	Cấp thoát nước xử lý nước thải	3
15	CN328_(2) )	Kết cấu thép nhà CN	2
16	CN352_(3) )	Kỹ thuật thi công	4
17	CN351_(2) )	Tổ chức thi công	3
18	CN323_(2) )	Quản lý dự án xây dựng	2
19	CN347_(3) )	Nhà nhiều tầng	3
20	CN314_(3) )	C. trình giao thông	3
21	CN322_(3) )	Cấu kiện bê tông đặc biệt	3
22		Chuyên đề Đánh giá chất lượng và gia cố công trình	
23		Chuyên đề Thí nghiệm công trình	
		<b>C. Thực tập nghề nghiệp</b>	<b>5 đvht</b>
1	CN111_(1) )	TT. Trắc địa đại cương	1
2	CN103_(1) )	TT. Địa chất công trình	1

3	CN105_(1)	TT.Vật liệu xây dựng	1
4	CN113_(1)	TT. Cơ Học đất	1
5	CN108_(1)	TT.Sức bền vật liệu	1
		<b>D. Niên luận</b>	<b>6 đvht</b>
1	CN329_(1)	Đồ án Kết cấu thép	1
2	CN329_(1)	Đồ án Kết cấu bê tông cốt thép	1
3	CN350_(1)	Đồ án kiến trúc	1
4	CN354_(1)	Đồ án thi công	1
5	CN304_(1)	Đồ án Nền móng	1
6		Đồ án cơ học kết cấu	1
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>132 ĐVHT</b>
<b>D. Khóa luận tốt nghiệp</b>			<b>20 đvht</b>
		Thực tập tốt nghiệp	8 đvht
1		Đồ án tốt nghiệp	8 đvht
2		Thi TN môn Khoa học Mác-Lênin và tư tưởng HCM	4 đvht
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>126 ĐVHT</b>

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

**Ngành: KỸ THUẬT ĐIỆN – ĐIỆN TỬ**

**Mã ngành: 108**

**Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung**

### 5. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 5.1. Khối lượng kiến thức và thời gian đào tạo

Khối lượng kiến thức: 220 đvht

Thời gian đào tạo: 4 năm (8 học kỳ, 2 học kỳ mỗi năm)

#### 5.2. Cấu trúc kiến thức của chương trình

<b>KHỐI KIẾN THỨC</b>	<b>SỐ ĐVHT</b>	<b>Ghi chú</b>
Kiến thức giáo dục đại cương	85	
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	135	
Tổng khối lượng	220	

## **6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC BẮT BUỘC**

### **6.1. Kiến thức giáo dục đại cương:**

**85 đvht**

<b>STT</b>	<b>TÊN HỌC PHẦN</b>	<b>SỐ ĐVHT</b>
<b>A</b>	<b>Chủ nghĩa Mác-Lênin và Tư tưởng HCM</b>	<b>15 đvht</b>
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	8
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3
3	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	4
<b>B</b>	<b>Khoa học xã hội</b>	<b>6 đvht</b>
1	Pháp luật đại cương	2
2	Kỹ năng giao tiếp	2
3	PP luận nghiên cứu khoa học	2
<b>C</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>	<b>3 đvht</b>
<b>D</b>	<b>Giáo dục quốc phòng</b>	<b>165 tiết</b>
<b>E</b>	<b>Ngoại ngữ</b>	<b>15 đvht</b>
<b>F</b>	<b>Toán học</b>	<b>16 đvht</b>
1	Vi tích phân A1	3
2	Vi tích phân A2	4
3	Đại số tuyến tính và Hình học	4
4	Xác suất thống kê A	3
5	Hàm phức	2
<b>G</b>	<b>Vật lý</b>	<b>9 đvht</b>
1	Cơ nhiệt đại cương A	3
2	Điện quang đại cương A	3
3	Vật lý lượng tử	3
<b>H</b>	<b>Hóa đại cương</b>	<b>4 đvht</b>
<b>I</b>	<b>Điện tử, Tin học đại cương</b>	<b>13 đvht</b>

1	Tin học căn bản	4
2	Internet – CNTT	2
3	Lý thuyết mạch	4
4	Liên hệ kiến thức điện tử	3
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>85 ĐVHT</b>

**6.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:**

**135 đvht**

ST T	TÊN HỌC PHẦN	SỐ ĐVHT
<b>A. Kiến thức cơ sở</b>		<b>60 đvht</b>
1	Trường điện từ	3
2	Mạch điện tử Analog	5
3	Mạch số (Kỹ thuật số)	6
4	Kỹ thuật xung	3
5	Lý thuyết tín hiệu & hệ thống	2
6	Kỹ thuật đo	2
7	Soạn thảo văn bản	2
8	Lập trình căn bản – Điện tử	5
9	Kỹ thuật vi xử lý	6
10	Kiến trúc máy tính điện tử	3
11	Kỹ thuật điện (Máy điện 1, 2)	4
12	Vật liệu điện	2
13	An toàn điện	2
14	Điện tử công suất	3
15	Truyền dữ liệu	2
16	CAD	3
17	Xử lý tín hiệu số	3
18	Lý thuyết điều khiển tự động hệ tuyến tính (Cơ sở TĐH)	4
<b>B. Kiến thức ngành</b>		<b>51 đvht</b>
1	Tiếng anh chuyên ngành	6
2	Khí cụ điện	2
3	Kỹ thuật Audio	3
4	Kỹ thuật Video	4

5	Kỹ thuật siêu cao tần	3
6	Thông tin số - Điện thoại số	3
7	Cơ sở viễn thông	3
8	Hệ thống viễn thông	3
9	Thực tập tay nghề điện/máy điện	2
10	Ăn ten và truyền sóng	3
11	Hệ thống điện 1, 2	4
12	Kỹ thuật cao áp	2
13	Thiết kế hệ thống điện	4
14	Truyền động điện	3
15	Điện tử công nghiệp	3
16	Điều khiển Logic lập trình	3
<b>C. Niên luận</b>		<b>4 đvht</b>
1	Niên luận 1 Điện – Điện tử	2
2	Niên luận 2 Điện – Điện tử	2
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>115 ĐVHT</b>
<b>D. Khoá luận tốt nghiệp</b>		<b>20 đvht</b>
<b>Nhóm sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp</b>		
1	Luận văn tốt nghiệp Điện – Điện tử	16 đvht
2	Thi TN môn Khoa học Mác-Lênin và tư tưởng HCM	4 đvht
<b>Nhóm sinh viên làm tiểu luận tốt nghiệp</b>		
1	Tiểu luận tốt nghiệp Điện – Điện tử	8 đvht
2	Thi TN môn cơ sở ngành và môn chuyên ngành	8 đvht
3	Thi TN môn Khoa học Mác-Lênin và tư tưởng HCM	4 đvht
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>135 ĐVHT</b>